

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 84/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24 – 6 – 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH HẬU GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Em.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dương.

2. Ông Bùi Văn Phục.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Mỹ Chi là Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2022/TLST – HNGĐ, ngày 29 tháng 3 năm 2022, về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 29 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Đường Văn H, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H có tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào 1988, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B. Quá trình chung sống thì vợ chồng hạnh phúc được một thời gian. Từ năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không chăm lo gia đình, bỏ bê đời sống vợ con và có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác, thường xuyên nhậu nhẹt và kiếm chuyện chửi mắng, đánh đập chị, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được. Chị D nhận thấy không còn tình cảm với anh H và

không muốn kéo dài cuộc hôn nhân này nữa nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có 04 con chung tên Đường Văn N, sinh năm 1989, Đường Thị Cẩm E, sinh năm 1995, Đường Thị Cẩm T, sinh năm 2002, Đường Hùng V, sinh ngày 24/4/2007, các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, riêng cháu V chưa thành niên, chị D yêu cầu được nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Đường Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và con chung như chị D trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn như chị D trình bày là không đúng, chị D nói anh có tình cảm và quan hệ bất chính với người phụ nữ khác là không có, anh cũng không có đánh đập vợ con, nguyên nhân do chị D không chăm lo gia đình, không chăm lo làm ăn mà chỉ chú tâm vào chuyện cờ bạc gây nợ nần, anh đã nhiều lần khuyên nhưng chị D không sửa đổi. Nay chị D yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con.

Về con chung: các con đã trưởng thành không yêu cầu, riêng cháu V chưa thành niên nhưng đã trên 07 tuổi nên theo nguyện vọng của con, con muốn sống với cha hay mẹ cũng được.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị D được ly hôn với bị đơn anh Đường Văn H. Về con chung: giao cháu Đường Hùng V, sinh ngày 24/4/2007 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh H chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến bị đơn, Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* bị đơn trong vụ án là anh Đường Văn H có địa chỉ cư trú tại huyện P, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ quy định tại các điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị D và anh Đường Văn H tiến đến hôn nhân vào năm 1988 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy

định pháp luật nên hôn nhân của anh chị được công nhận hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, khi có mâu thuẫn anh chị không tạo điều kiện hàn gắn mà để mâu thuẫn kéo dài, hiện tại anh chị đã không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm nhau. Là vợ chồng, lẽ ra anh chị phải yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ để xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng anh chị đã không làm được điều đó. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ cho anh chị nhưng không thành mà chị D cương quyết yêu cầu ly hôn và không muốn tiếp tục chung sống với anh H nữa. Anh H không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn thương vợ nhưng từ khi xảy ra mâu thuẫn đến nay anh cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị D. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị đã thật sự trầm trọng, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu của chị D, cho chị D được ly hôn với anh H.

[4] *Về con chung*: chị D và anh H có 04 con chung tên Đường Văn N, sinh năm 1989, Đường Thị Cẩm E, sinh năm 1995, Đường Thị Cẩm T, sinh năm 2002, Đường Hùng V, sinh ngày 24/4/2007. Các con N, E, T đã trưởng thành chị D không yêu cầu giải quyết. Chị D có yêu cầu được nuôi con chung chưa thành niên là cháu Đường Hùng V. Hội đồng xét xử xét thấy: cháu Đường Hùng V hiện đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được sống với mẹ nếu cha mẹ cháu ly hôn. Anh Đường Văn H cũng thống nhất, không tranh chấp. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quyết định giao cháu V cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

[5] *Về cấp dưỡng*: theo khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Tuy nhiên do chưa yêu cầu, nên Tòa chưa xem xét trong cùng vụ án này.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung*: các đương sự không ai có yêu cầu giải quyết nên Tòa chưa xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[7] *Về án phí*: căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc chị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo mức không có giá ngạch.

[8] Đối với phát biểu quan điểm về tố tụng và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử thống nhất và chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Đường Văn H.

2. Về con chung: giao con chung chưa thành niên tên Đường Hùng V (giới tính: Nam), sinh ngày 24/4/2007 cho chị Nguyễn Thị D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đường Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: buộc chị Nguyễn Thị D chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007979 ngày 29/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P thành án phí.

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã B, huyện P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Em